TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 22-8-2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu.

Ông Trần Văn Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2017/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Tôn Ngọc Y, sinh năm 1991 (có mặt)

Cư trú tại: số C, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1990 (có mặt)

Cư trú tại: số M, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Tôn Ngọc Y trình bày:

Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2014, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở quen biết trước, không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và mẹ chồng không hợp về tính tình, thường xuyên cãi nhau, phía anh T không quan

tâm chăm sóc vợ con, có những lời lẽ không tốt đối với gia đình chị, nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tôn Ngọc Mỹ C, sinh ngày 26/6/2015, hiện sống chung với chị.

Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k, bao gồm 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 05 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24k và 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24k (vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương) hiện do anh T cất giữ.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn T, yêu cầu nuôi con chung anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 600.000 đồng; về tài sản chung chia đôi 10 chỉ vàng 24k hiện anh T quản lý.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Anh T thống nhất với chị Y về thời gian và quá trình xác lập quan hệ vợ chồng và thời gian mâu thuẫn. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn do chị Y và mẹ anh bất đồng quan điểm, còn riêng anh và chị Y không mâu thuẫn gì lớn và hai người đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T thống nhất như lời trình bày của chị Y.

Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng, đối với tài sàn chung là vàng cưới anh đồng ý chia đôi, mỗi người 05 chỉ vàng 24k.

* Bản án sơ thẩm số: 61/2017/HNGĐ-ST ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, 53, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Tôn Ngọc Y và anh Nguyễn Tấn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Tôn Ngọc Mỹ C, sinh ngày 26/6/2015 cho chị Tôn Ngọc Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (03/5/2017) cho đến khi cháu Tôn Ngọc Mỹ C tròn 18 tuổi.

Anh T được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Tôn Ngọc Y và anh Nguyễn Tấn T.

+ Anh Nguyễn Tấn T thối chia cho chị Tôn Ngọc Y 05 (năm) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn cara) (vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương) làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Chia luôn cho anh Nguyễn Tấn T 05 (năm) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn cara) (vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương), hiện anh T đang quản lý.

- Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Tôn Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 825.000 đồng án phí chia tài sản chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06488 ngày 06/3/2016 và 800.000 đồng theo biên lai thu số 06487 ngày 06/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên phải nộp tiếp 25.000 đồng.

Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng và 825.000 đồng án phí được chia tài sản.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 10/5/2017, bị đơn anh Nguyễn Tấn T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Tôn Ngọc Y cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày vẫn giữ nguyên kháng cáo, anh yêu cầu được nuôi con chung Tôn Ngọc Mỹ C, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

Chị Y không đồng ý theo yêu cầu của anh T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: anh T kháng cáo về nuôi con nhưng anh không có căn cứ chứng minh, xét thấy con chung Tôn Ngọc Mỹ C còn nhỏ và đã sinh sống ổn định nên cần tiếp tục giao cho chị Y nuôi dưỡng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Tấn T chỉ kháng cáo về phần con chung, Viện kiểm sát không kháng nghị, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết những quyết định khác của Bản án sơ thẩm, nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh T và chị Y thống nhất anh chị có một con chung tên Tôn Ngọc Mỹ C, sinh ngày 26/6/2015. Sau khi anh chị ly thân cho đến nay Mỹ C sống chung với chị Y.

Xét thấy, hiện nay cháu Mỹ C còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, từ khi anh T và chị Y ly thân, cháu Mỹ C sống với chị Y vẫn phát triển bình thường. Tại phiên tòa, anh T cho rằng anh có điều kiện nuôi dưỡng cháu Mỹ C tốt hơn chị Y nhưng không được chị Y đồng ý. Nhận thấy, chị Y có điều kiện muôi dưỡng tốt hơn anh T, đồng thời để ổn định về mặt tinh thần và cuộc sống bình thường của cháu Mỹ C. Hội đồng xét xử xét giao cháu Tôn Ngọc Mỹ C cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng, chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng, xét thấy anh T không trực tiếp nuôi con nên anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Mỹ C là phù hợp Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tòa sơ thẩm giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 61/2017/HNGĐ-ST ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Tôn Ngọc Y và anh Nguyễn Tấn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Tôn Ngọc Mỹ C, sinh ngày 26/6/2015 cho chị Tôn Ngọc Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (03/5/2017) cho đến khi cháu Tôn Ngọc Mỹ C tròn 18 tuổi.

Anh T được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Tôn Ngọc Y và anh Nguyễn Tấn T.

+ Anh Nguyễn Tấn T chia cho chị Tôn Ngọc Y 05 (năm) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn cara) (vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương). Thời gian thực hiện giao vàng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Chia cho anh Nguyễn Tấn T 05 (năm) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn cara) (vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương), hiện anh T đang quản lý.

- Nợ chung: Không có.

* Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Tôn Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình và 825.000 đồng án phí chia tài sản, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06488 ngày 06/3/2016 và 800.000 đồng theo biên lai thu số 06487 ngày 06/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên phải nộp tiếp 25.000 đồng.

Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng và 825.000 đồng án phí được chia tài sản.

- Án phí phúc thẩm: Anh T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06806 ngày 10/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã H và H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

HNPT-2017-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn